



Flashcardo.com

Chúng tôi hy vọng những thẻ học in sẵn này sẽ hữu ích cho bạn. Để tìm thêm nhiều sản phẩm thẻ học khác, hãy truy cập trang web của chúng tôi www.flashcardo.com/vi. Trên Flashcardo.com chúng tôi cung cấp thẻ học trực tuyến, thẻ học lặp lại ngắt quãng, thẻ học bằng video và nhiều hơn nữa. Tất cả đều miễn phí và sẵn sàng cho người học trên toàn thế giới sử dụng.

Bản quyền, Ghi chú về Giấy phép

Tệp PDF này được bảo vệ theo luật bản quyền và tất cả các quyền đều được giữ lại. Bạn được phép chia sẻ tệp PDF này với bất kỳ ai. Tuy nhiên, bạn không được phép bán tệp PDF này hoặc nội dung của nó. Nếu bạn có bất kỳ câu hỏi nào, vui lòng truy cập www.flashcardo.com/vi để liên hệ với chúng tôi. Xin cảm ơn!

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

TỆP PDF NÀY ĐƯỢC CUNG CẤP "NGUYÊN TRẠNG", KHÔNG CÓ BẤT KỲ BẢO ĐẢM NÀO, DÙ RÕ RÀNG HAY NGỤ Ý, BAO GỒM NHƯNG KHÔNG GIỚI HẠN Ở CÁC BẢO ĐẢM VỀ KHẢ NĂNG TIÊU THỤ, PHÙ HỢP VỚI MỤC ĐÍCH CỤ THỂ VÀ KHÔNG VI PHẠM. TRONG MỌI TRƯỜNG HỢP, CÁC TÁC GIẢ HOẶC CHỦ SỞ HỮU BẢN QUYỀN SẼ KHÔNG CHỊU TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI BẤT KỲ KHIẾU NẠI, THIẾT HẠI HOẶC TRÁCH NHIỆM NÀO KHÁC, DÙ THEO HÀNH ĐỘNG HỢP ĐỒNG, SAI PHẠM DẪN SỰ HAY HÌNH THỨC KHÁC, PHÁT SINH TỪ, HOẶC LIÊN QUAN ĐẾN TỆP PDF NÀY HOẶC VIỆC SỬ DỤNG HAY GIAO DỊCH KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN TỆP PDF NÀY.

Bản quyền © 2025 Flashcardo.com. Mọi quyền được bảo lưu

In hai mặt

Xin lưu ý rằng những thẻ học này được thiết kế để in hai mặt. Nếu máy in của bạn không thể in hai mặt, vui lòng tải xuống các tệp PDF thẻ học đơn để in.

yo

tú

él

ella

eso

nosotros

ustedes

ellos

qué

quién

dónde

por qué

cómo

cuál

cuándo

entonces

si

realmente

pero

porque

no

anh ấy

bạn

tôi

chúng tôi / chúng ta

nó

cô ấy

cái gì

họ

các bạn

tại sao

ở đâu

ai

lúc nào

cái nào

làm sao

thật sự

nếu

sau đó

không

bởi vì

nhưng

este
esta, esto

Necesito esto

¿Cuánto cuesta esto?

ese

todos

o

y

saber

Lo sé

No lo sé

pensar

venir

poner

tomar

encontrar

escuchar

trabajar

hablar

dar
en general

gustar

ayudar

Cái này giá bao nhiêu?

Tôi cần cái này

này

hoặc

tất cả

đó

Tôi biết

biết

và

đến

nghĩ

Tôi không biết

tìm

lấy

đặt

nói chuyện

làm việc

nghe

giúp đỡ

thích

cho

amar

llamar

esperar

Me gustas

No me gusta esto

¿Me quieres?

Te amo

cero

uno

dos

tres

cuatro

cinco

seis

siete

ocho

nueve

diez

once

doce

trece

chờ đợi

gọi

yêu

Bạn có yêu tôi không?

Tôi không thích cái này

Tôi thích bạn

1

0

Tôi yêu bạn

4

3

2

7

6

5

10

9

8

13

12

11

catorce

quince

dieciséis

diecisiete

dieciocho

diecinueve

veinte

nuevo

viejo
no nuevo

pocos

muchos

¿cuánto?

¿cuántos?

incorrecto

correcto

malo

bueno

feliz

corto

largo

pequeño

16

15

14

19

18

17

cũ

mới

20

bao nhiêu?

nhiều

ít

chính xác

sai

bao nhiêu?

hạnh phúc

tốt

xấu

nhỏ

dài

ngắn

grande

allá

aquí

derecha

izquierda

hermoso

joven

viejo
no joven

hola
¡Hola!

nos vemos más tarde

vale

cuidate

no te preocupes

por supuesto

buen día

hola
¡Ey!

hasta luego

adiós

discúlpeme

perdón

gracias

đây

đó

lớn

xinh đẹp

trái

phải

xin chào

già

trẻ

bảo trọng nhé

được

hẹn gặp lại

chúc ngày tốt lành

tất nhiên

đừng lo

tạm biệt

bái bai

chào

cảm ơn bạn

xin lỗi

xin làm phiền

por favor

Quiero esto

ahora

tarde

mañana
aprox. 9:00-11:00

noche
aprox. 22:00-5:00

mañana
aprox. 6:00-9:00

noche
aprox. 17:00-22:00

mediodía

medianoche

hora

minuto

segundo
tiempo

día

semana

mes

año

tiempo
reloj

fecha

anteayer

ayer

bây giờ

Tôi muốn cái này

làm ơn

ban đêm

buổi sáng

buổi chiều

buổi trưa

buổi tối

buổi sáng

phút

giờ

nửa đêm

tuần

ngày

giây

thời gian

năm

tháng

hôm qua

ngày hôm kia

ngày tháng

hoy

mañana
ayer, hoy

pasado mañana

lunes

martes

miércoles

jueves

viernes

sábado

domingo

Mañana es sábado

vida

mujer

hombre

amor

novio
relación amorosa

novia
relación amorosa

amigo

beso

sexo

niño
la niña

ngày kia

ngày mai

hôm nay

thứ tư

thứ ba

thứ hai

thứ bảy

thứ sáu

thứ năm

cuộc đời

Ngày mai là thứ bảy

chủ nhật

tình yêu

đàn ông

đàn bà

bạn

bạn gái

bạn trai

trẻ em

tình dục

hôn

bebé

niña

niño
masculino

mamá

papá

madre

padre

padres

hijo

hija

hermana menor

hermano menor

hermana mayor

hermano mayor

estar de pie

sentarse

acostarse

cerrar

abrir
puerta

perder

ganar
campeonato

con trai

con gái

em bé

má

ba

mẹ

con trai

cha mẹ

cha

em trai

em gái

con gái

đúng

anh trai

chị gái

đóng

nằm xuống

ngồi

thắng

thua

mở

morir

vivir

encender

apagar

matar

dañar

tocar

ver

beber

comer

caminar

encontrarse

apostar
deporte

besar

seguir

casarse

responder

preguntar

pregunta

empresa

negocio

bật

sống

chết

làm bị thương

giết

tắt

uống

xem

chạm

gặp

đi bộ

ăn

đi theo

hôn

đặt cược

hỏi

trả lời

cưới

kinh doanh

công ty

câu hỏi

trabajo

dinero

teléfono

oficina

médico

hospital

enfermera

policía
persona

presidente

blanco

negro

rojo

azul

verde

amarillo

lento

rápido

divertido

injusto

justo

difícil

điện thoại

tiền

việc làm

bệnh viện

bác sĩ

văn phòng

tổng thống

cảnh sát

y tá

màu đỏ

màu đen

màu trắng

màu vàng

màu xanh lá cây

màu xanh da trời

vui vẻ

nhanh

chậm

khó

công bằng

không công bằng

fácil

Esto es difícil

rico

pobre

fuerte
fornido

débil

seguro
adjetivo

cansado

orgullosa

satisfecho

enfermo

saludable

enojado

bajo
diagrama

alto
diagrama

recto

cada

siempre

en realidad

de nuevo

ya

giàu

Cái này khó

dễ

yếu

khỏe

nghèo

tự hào

mệt mỏi

an toàn

khỏe mạnh

bệnh

no bụng

cao

thấp

tức giận

luôn luôn

mỗi / mọi

thẳng

đã

lần nữa

thực ra

menos

el más/la más

más

Quiero más

ninguno

muy

animal

cerdo
animal

vaca

caballo

perro

oveja

mono

gato
animal

oso

pollo
animal

pato

mariposa

abeja

pez

araña

nhiều hơn

phần lớn

ít hơn

rất

không có

Tôi muốn nhiều hơn

con bò

con lợn

động vật

con cừu

con chó

con ngựa

con gấu

con mèo

con khỉ

con bướm

con vịt

con gà

con nhện

con cá

con ong

serpiente

fuera

dentro

lejos

cerca

abajo

arriba

junto a

frente
posición

atrás

dulce

agrio

extraño

suave

duro

lindo

estúpido

loco

ocupado

alto
cuerpo

bajo
cuerpo

ở trong

ở ngoài

con rắn

bên dưới

gần

xa

phía trước

bên cạnh

bên trên

chua

ngọt

phía sau

cứng

mềm

lạ

điên khùng

ngu ngốc

đáng yêu

thấp

cao

bận rộn

preocupado

sorprendido

genial

bien educado

malvado

listo

frío

caliente

cabeza

nariz

cabello

boca

oreja

ojo

mano

pie

corazón

cerebro

tirar

empujar
puerta

presionar

ngẫu

ngạc nhiên

lo lắng

khéo léo

ác độc

cư xử tốt

đầu

nóng

lạnh

miệng

tóc

mũi

bàn tay

mắt

tai

não

tim

bàn chân

ấn

đẩy

kéo

golpear
algo/a alguien

atrapar

pelear

lanzar

correr
verbo

leer

escribir

arreglar

contar

cortar

vender

comprar

pagar

estudiar

soñar

dormir

jugar

celebrar

descansar

disfrutar

limpiar
generalmente

chiến đấu

bắt

đánh

đọc

chạy

ném

đếm

sửa chữa

viết

mua

bán

cắt

mơ

học

trả

ăn mừng

chơi

ngủ

dọn dẹp

thưởng thức

nghỉ ngơi

escuela

casa
edificio

puerta

marido

esposa

boda

persona

coche

hogar

ciudad

número

veintiuno

veintidós

veintiséis

treinta

treinta y uno

treinta y tres

treinta y siete

cuarenta

cuarenta y uno

cuarenta y cuatro

cửa

nhà ở

trường học

đám cưới

vợ

chồng

nhà

xe hơi

người

21

số

thành phố

30

26

22

37

33

31

44

41

40

cuarenta y ocho

cincuenta

cincuenta y uno

cincuenta y cinco

cincuenta y nueve

sesenta

sesenta y uno

sesenta y dos

sesenta y seis

setenta

setenta y uno

setenta y tres

setenta y siete

ochenta

ochenta y uno

ochenta y cuatro

ochenta y ocho

noventa

noventa y uno

noventa y cinco

noventa y nueve

51

50

48

60

59

55

66

62

61

73

71

70

81

80

77

90

88

84

99

95

91

cien

mil

diez mil

cien mil

un millón

mi perro

tu gato

su vestido

su coche

su pelota

nuestra casa

vuestro equipo

su empresa

todo el mundo

juntos

otro

no importa

¡Salud!

relajarse

estoy de acuerdo

bienvenido

10.000

1000

100

con chó của tôi

1.000.000

100.000

xe của anh ấy

váy của cô ấy

con mèo của bạn

đội của bạn

nhà của chúng tôi

quả bóng của nó

cùng nhau

mọi người

công ty của họ

chúc mừng

không thành vấn đề

khác

chào mừng

tôi đồng ý

thư giãn đi

sin preocupaciones

gira a la derecha

gira a la izquierda

ve recto

Ven conmigo

huevo

queso

leche

pescado
comida

carne

verdura

fruta

hueso
comida

aceite

pan

azúcar

chocolate

caramelo

pastel

bebida

agua

rễ trái

rễ phải

không phải lo

trúng

Hãy đi với tôi

đi thẳng

cá

sữa

phô mai

trái cây

rau

thịt

bánh mì

dầu

xương

kẹo

sô cô la

đường

nước

đồ uống

bánh bông lan

soda

café

té

cerveza

vino

ensalada

sopa

postre

desayuno

almuerzo

cena

pizza

autobús

tren

estación de tren

parada de autobús

avión

barco

camión

bicicleta

motocicleta

trà

cà phê

nước soda

sa lát

rượu nho

bia

bữa ăn sáng

món tráng miệng

súp

pizza

bữa tối

bữa trưa

ga xe lửa

xe lửa

xe buýt

tàu

máy bay

trạm dừng xe buýt

xe mô tô

xe đạp

xe tải

taxi

semáforo

estacionamiento

carretera

ropa

zapato

abrigo

suéter

camisa

chaqueta

traje

pantalones

vestido

camiseta

calcetín

sujetador

calzoncillos

gafas

bolso

monedero

billetera

bãi đậu xe

đèn giao thông

xe taxi

giày dép

quần áo

đường

áo sơ mi

áo len

áo choàng

quần dài

áo phực

áo khoác

bít tất

áo phông

đầm

kính

quần lót

áo ngực

ví

ví tiền

túi xách

anillo

sombrero

reloj
muñeca

bolsillo

¿Cómo te llamas?

Mi nombre es David

Tengo 22 años

¿Cómo estás?

¿Estás bien?

¿Dónde está el baño?

Te extraño

primavera

verano

otoño

invierno

enero

febrero

marzo

abril

mayo

junio

đồng hồ đeo tay

mũ

nhẫn

Tên của tôi là David

Bạn tên gì?

túi

Bạn có ổn không?

Bạn có khỏe không?

Tôi 22 tuổi

mùa xuân

Tôi nhớ bạn

Nhà vệ sinh ở đâu vậy?

mùa đông

mùa thu

mùa hè

tháng ba

tháng hai

tháng một

tháng sáu

tháng năm

tháng tư

julio

agosto

septiembre

octubre

noviembre

diciembre

compra

factura

mercado

supermercado

edificio

piso

universidad

granja

iglesia

restaurante

bar

gimnasio

parque

inodoro
público

mapa

tháng chín

tháng tám

tháng bảy

tháng mười hai

tháng mười một

tháng mười

chợ

hóa đơn

mua sắm

căn hộ

tòa nhà

siêu thị

nhà thờ

nông trại

trường đại học

phòng thể dục

quán bar

nhà hàng

bản đồ

nhà vệ sinh

công viên

ambulancia

policía
fuerza de seguridad

pistola

bomberos

país

suburbio

pueblo

salud

medicamento

accidente

paciente

operación

pastilla

fiebre

resfriado

herida

cita

tos

cuello
parte del cuerpo

trasero

hombro

súng

cảnh sát

xe cứu thương

ngoại ô

quốc gia

lính cứu hỏa

dược phẩm

sức khỏe

ngôi làng

phẫu thuật

bệnh nhân

tai nạn

cảm lạnh

sốt

viên thuốc

ho

cuộc hẹn

vết thương

vai

mông

cổ

rodilla

pierna

brazo

vientre

mama

espalda

diente

lengua

labio

dedo

dedo del pie

estómago

pulmón

hígado

nervio

riñón

intestino

color

naranja
color

gris

marrón

tay

chân

đầu gối

lưng

ngực

bụng

môi

lưỡi

răng

dạ dày

ngón chân

ngón tay

dây thần kinh

gan

phổi

màu sắc

ruột

thận

màu nâu

màu xám

màu cam

rosa
color

aburrido

pesado

ligero

solitario

hambriento

sediento

triste

empinado

plano

redondo

cuadrado
adjetivo

estrecho

ancho
adjetivo

profundo

poco profundo

enorme

norte

este
oeste, sur, norte

sur

oeste

nặng

nhàm chán

màu hồng

đôi bụng

cô đơn

nhẹ

đốc

buồn

khát nước

vuông

tròn

bằng phẳng

sâu

rộng

hẹp

bắc

lớn

nông

tây

nam

đông

sucio

limpio

lleno

vacío

caro

barato

oscuro

claro

sexy

vago

valiente

generoso

guapo

feo

tonto

amistoso

culpable

ciego

borracho

mojado

seco

đầy

sạch sẽ

bẩn

rẻ

đắt

trống rỗng

quyến rũ

sáng

tối

hào phóng

dũng cảm

lười biếng

ngớ ngẩn

xấu xí

đẹp trai

mù

tội lỗi

thân thiện

khô

ướt

say

cálido

ruidoso

tranquilo

silencioso

cocina

baño

sala de estar

dormitorio
casa

jardín

garaje

pared

sótano

inodoro
casa

escalera
edificio

techo

ventana
edificio

cuchillo

taza

vaso
tarro

plato

vaso
plástico

yên tĩnh

ồn ào

ấm áp

phòng tắm

nhà bếp

im lặng

vườn

phòng ngủ

phòng khách

tầng hầm

tường

gara

mái nhà

cầu thang

nhà vệ sinh

tách

dao

cửa sổ

cốc

đĩa

ly

cubo de basura

cuenco

televisor

escritorio

cama

espejo

ducha

sofá

cuadro

reloj
pared

mesa

silla

piscina
jardín

campana

vecino

fallar

elegir

disparar

votar

caer

defender

bộ tivi

tô

thùng rác

gương

giường

bàn

ảnh

ghế sofa

vòi hoa sen

ghế

bàn

đồng hồ

hàng xóm

chuông

hồ bơi

bắn

chọn

thất bại

bảo vệ

rơi xuống

bình chọn

atacar

robar

quemar

rescatar

fumar

volar

llevar

escupir

patear

morder

respirar

oler

llorar

cantar

sonreír

reír

crecer

encoger

argumentar

amenazar

compartir

đốt

trộm

tấn công

bay

hút thuốc

cứu

đá

khắc nhở

mang theo

ngủi

thở

cẩn

cười mỉm

hát

khóc

co lại

lớn lên

cười

chia sẻ

đe dọa

tranh luận

alimentar

ocultar

advertir

nadar

saltar

rodar

levantar

cavar

copiar

entregar

buscar

practicar

viajar

pintar

ducharse

abrir
cerradura

bloquear

lavar

orar

cocinar

libro

cảnh báo

trốn

cho ăn

lăn

nhảy

bơi

sao chép

đào

nâng

luyện tập

tìm kiếm

giao hàng

tắm vòi sen

vẽ

đi du lịch

rửa

khóa

mở

sách

nấu ăn

cầu nguyện

biblioteca

tarea

examen

lección

ciencia

historia

arte

inglés

francés

pluma

lápiz

tres por ciento

primero

segundo
la segunda

tercero

cuarto

resultado

cuadrado
geometría

círculo

área

investigación

bài thi

bài tập về nhà

thư viện

lịch sử

khoa học

bài học

tiếng Pháp

tiếng Anh

nghệ thuật

3%

bút chì

cây bút

thứ ba

thứ hai

thứ nhất

hình vuông

kết quả

thứ tư

nguyên cứu

diện tích

hình tròn

grado

licenciatura

máster

x es menor que y

x es mayor que y

estrés

seguro
nombre

personal

departamento

salario

dirección

carta

capitán

detective

piloto

catedrático

profesor

abogado

secretaria

asistente

juez

thạc sĩ

cử nhân

bằng cấp

áp lực

$x > y$

$x < y$

bộ phận

nhân viên

bảo hiểm

lá thư

địa chỉ

lương

phi công

thám tử

thuyền trưởng

luật sư

giáo viên

giáo sư

thẩm phán

trợ lý

thư ký

director
comercio

gerente

cocinero

taxista

conductor de autobús

criminal

modelo

artista

número de teléfono

señal

aplicación

chat

archivo

url

dirección de correo
electrónico

sitio web

correo electrónico

teléfono móvil

ley

prisión

prueba

đầu bếp

quản lý

giám đốc

tội phạm

tài xế xe buýt

tài xế taxi

số điện thoại

nghệ sĩ

người mẫu

trò chuyện

ứng dụng

tín hiệu

địa chỉ email

url

tập tin

điện thoại di động

thư điện tử

trang mạng

chứng cứ

nhà tù

pháp luật

multa

testigo

tribunal

firma

pérdida

beneficio

cliente

cantidad

tarjeta de crédito

contraseña

cajero automático

piscina
campeonato

electricidad

cámara
aparato

radio
radioreceptor

regalo

botella

bolsa
accesorio

llave

muñeca
juguete

ángel

tòa án

nhân chứng

tiền phạt

lợi nhuận

thua lỗ

chữ ký

thẻ tín dụng

số tiền

khách hàng

bể bơi

máy rút tiền

mật khẩu

đài radio

máy ảnh

điện

cái túi

cái chai

quà tặng

thiên thần

búp bê

chìa khóa

peine

pasta de dientes

cepillo de dientes

champú

crema
cosméticos

pañuelo

pintalabios

TV

cine

noticias

asiento

entrada

pantalla
cine

música

escenario

audiencia

pintura
arte

broma

artículo

periódico

revista

bàn chải đánh răng

kem đánh răng

lược

khăn giấy

kem thoa

dầu gội

rạp chiếu phim

truyền hình

son môi

vé

ghế

tin tức

sân khấu

âm nhạc

màn chiếu

trò đùa

hội họa

khán giả

tạp chí

báo chí

bài báo

anuncio

naturaleza

ceniza

fuego

diamante

luna

tierra

sol
cuerpo celeste

estrella

planeta

universo

costa

lago

bosque

desierto

colina

roca

río

valle

montaña

isla

tro

thiên nhiên

quảng cáo

mặt trăng

kim cương

lửa

ngôi sao

mặt trời

Trái Đất

bờ biển

vũ trụ

hành tinh

sa mạc

rừng

hồ

con sông

đá

đồi núi

đảo

núi

thung lũng

océano

mar

tiempo
meteorológico

hielo

nieve

tempestad

lluvia

viento

planta

árbol

hierba

rosa
planta

flor

gas

metal

oro

plata

La plata es más barata que
el oro

El oro es más caro que la
plata

vacaciones

miembro

thời tiết

biển

đại dương

bão táp

tuyết

băng

thực vật

gió

mưa

hoa hồng

cỏ

cây

kim loại

chất khí

hoa

Bạc rẻ hơn vàng

bạc

vàng

thành viên

ngày lễ

Vàng đắt hơn bạc

hotel

playa

invitado

cumpleaños

Navidad

Año Nuevo

Pascua

tío

tía

abuela
padre

abuelo
padre

abuela
madre

abuelo
madre

muerte

tumba

divorcio

novia
boda

novio
boda

ciento uno

ciento cinco

ciento diez

khách

bờ biển

khách sạn

Năm Mới

Giáng sinh

sinh nhật

cô

chú

Lễ Phục sinh

bà ngoại

ông nội

bà nội

phần mộ

tử vong

ông ngoại

chú rể

cô dâu

ly hôn

110

105

101

ciento cincuenta y uno

doscientos

doscientos dos

doscientos seis

doscientos veinte

doscientos sesenta y dos

trescientos

trescientos tres

trescientos siete

trescientos treinta

trescientos setenta y tres

cuatrocientos

cuatrocientos cuatro

cuatrocientos ocho

cuatrocientos cuarenta

cuatrocientos ochenta y
cuatro

quinientos

quinientos cinco

quinientos nueve

quinientos cincuenta

quinientos noventa y cinco

202

200

151

262

220

206

307

303

300

400

373

330

440

408

404

505

500

484

595

550

509

seiscientos

seiscientos uno

seiscientos seis

seiscientos dieciséis

seiscientos sesenta

setecientos

setecientos dos

setecientos siete

setecientos veintisiete

setecientos setenta

ochocientos

ochocientos tres

ochocientos ocho

ochocientos treinta y ocho

ochocientos ochenta

novcientos

novcientos cuatro

novcientos nueve

novcientos cuarenta y
nueve

novcientos noventa

tigre

606

601

600

700

660

616

727

707

702

803

800

770

880

838

808

909

904

900

con hồ

990

949

ratón
animal

rata

conejo

león

burro

elefante

pájaro

gallo

paloma

ganso

insecto

escarabajo

mosquito

mosca

hormiga

ballena

tiburón

delfín

caracol

rana

a menudo

con thỏ

con chuột cống

con chuột

con voi

con lừa

con sư tử

con chim bồ câu

con gà trống choai

con chim

con bọ

côn trùng

con ngỗng

con kiến

con ruồi

con muỗi

con cá heo

con cá mập

con cá voi

thường xuyên

con ếch

con ốc sên

inmediatamente

de repente

aunque

gimnasia

tenis

correr
sustantivo

ciclismo

golf

patinaje sobre hielo

fútbol

baloncesto

natación

buceo

senderismo

Reino Unido

España

Suiza

Italia

Francia

Alemania

Tailandia

mặc dù

đột ngột

ngay lập tức

chạy

quần vợt

thể dục dụng cụ

trượt băng

đánh golf

đạp xe

bơi lội

bóng rổ

bóng đá

Vương quốc Anh

đi bộ đường dài

lặn

Ý

Thụy sĩ

Tây Ban Nha

Thái Lan

Đức

Pháp

Singapur

Rusia

Japón

Israel

India

China

Estados Unidos de América

México

Canadá

Chile

Brasil

Argentina

Sudáfrica

Nigeria

Marruecos

Libia

Kenia

Argelia

Egipto

Nueva Zelanda

Australia

Nhật Bản

Nga

Singapore

Trung Quốc

Ấn Độ

Israel

Canada

Mexico

Hoa Kỳ

Argentina

Brazil

Chile

Ma Rốc

Nigeria

Nam Phi

Algeria

Kenya

Libya

Úc

New Zealand

Ai Cập

África

Europa

Asia

América

cuarto de hora

media hora

tres cuartos de hora

una en punto

dos y cinco

tres y diez

cuatro y cuarto

cinco y veinte

seis y veinticinco

siete y media

nueve menos veinticinco

diez menos veinte

once menos cuarto

doce menos diez

una menos cinco

una de la mañana

dos de la tarde

Châu Á

Châu Âu

Châu Phi

nửa tiếng

mười lăm phút

Châu Mỹ

2:05

1:00

bốn mươi lăm phút

5:20

4:15

3:10

8:35

7:30

6:25

11:50

10:45

9:40

hai giờ chiều

một giờ sáng

12:55

semana pasada

esta semana

próxima semana

año pasado

este año

año siguiente

mes pasado

este mes

mes siguiente

uno de enero de dos mil
catorce

veinticinco de febrero de dos
mil tres

doce de abril de mil
novecientos ochenta y ocho

trece de octubre de mil
ochocientos noventa y nueve

treinta de septiembre de mil
novecientos siete

doce de diciembre de dos
mil

frente
parte del cuerpo

arruga

barbilla

mejilla

barba

pestañas

tuần sau

tuần này

tuần trước

năm sau

năm nay

năm ngoái

tháng sau

tháng này

tháng trước

1988-04-12

2003-02-25

2014-01-01

2000-12-12

1907-09-30

1899-10-13

cằm

nếp nhăn

trán

lông mi

râu

má

ceja

cintura

nuca

pecho

pulgar

dedo meñique

dedo anular

dedo del medio

dedo índice

muñeca
parte del cuerpo

uña

talón

espina dorsal

músculo

hueso
parte del cuerpo

esqueleto

costilla

vértebra

vejiga

vena

arteria

gáy

eo

lông mày

ngón tay út

ngón cái

lồng ngực

ngón tay trỏ

ngón tay giữa

ngón tay đeo nhẫn

gót chân

móng tay

cổ tay

xương

cơ bắp

xương sống

đốt sống

xương sườn

bộ xương

động mạch

tĩnh mạch

bàn quang

vagina

esperma

pene

testículo

jugoso

picante

salado

crudo

hervido

tímido

codicioso

estricto

sordo

dương vật

tinh trùng

âm đạo

cay

mộng nước

tinh hoàn

lượt

sống

mặn

nghiêm khắc

tham lam

nhút nhát

điếc